

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/KDTM-ST

Ngày 07 – 7 – 2023

(V/v tranh chấp về thuê, cho thuê)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc: Tranh chấp về thuê, cho thuê, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thủy sản B1.

Địa chỉ: Số A - Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ho, Sh - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện hợp pháp: Ông Lin Ch - Chức vụ: Phó tổng giám đốc điều hành. Theo văn bản ủy quyền số 02 ngày 08/3/2022

Ông Trần Văn N; sinh năm: 1991;

Địa chỉ cư trú: Số A, đường L, khóm C, phường D, Tp. C, tỉnh C. Theo văn bản ủy quyền lại ngày 07/7/2023 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Th.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hữu H; chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ cư trú: Số A, đường Ngu, khóm D, phường C, Tp. C, tỉnh C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Trần Văn N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 15/10/2020, công ty TNHH B (gọi tắt công ty B) và công ty TNHH T (Gọi tắt là công ty T) có ký với nhau hợp đồng hợp đồng dịch vụ. Nội dung chính hợp đồng là công ty T sẽ thuê căn tin của công ty B để nấu ăn và sẽ cung cấp suất ăn cho công ty B. Phương thức thanh toán hàng tháng công ty T sẽ thanh toán tiền thuê căn tin và công ty B sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền suất ăn.

Đến ngày 31/12/2021 công ty B và Công ty T thỏa thuận chấm dứt hợp đồng xác định đến ngày 05/01/2022 công ty B có trách nhiệm thanh toán cho công ty T số tiền 841.856.070đ tiền suất ăn ngược lại công ty T có trách nhiệm thanh toán cho công ty B số tiền 151.391.951đ tiền thuê mặt bằng.

Đến ngày 05/01/2022 công ty B đã thanh toán xong số tiền 841.856.070đ nhưng công ty T không thực hiện đúng cam kết hiện chỉ mới thanh toán được số tiền 80.000.000đ còn nợ lại số tiền 71.391.951đ. Nay công ty B yêu cầu công ty T thanh toán tổng số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh là: 76.389.387đ đồng (trong đó nợ gốc là 71.391.951đ, nợ lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2023 với mức lãi 7%/năm với số tiền là 4.997.436đ.

Đối với công ty T: Mặc dù công ty đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng đại diện công ty T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền cho thuê mặt bằng và lãi chậm trả phát sinh từ giao dịch về thuê, cho thuê xuất phát từ hợp đồng dịch vụ. Chủ thể trong hợp đồng và thực hiện hợp đồng là hai Công ty có tư cách pháp nhân, có mục đích kinh doanh là lợi nhuận nên theo quy định tại điều 30, 35 Bộ luật tố tụng dân sự đây là quan hệ kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc các bên ký kết hợp đồng dịch vụ có 02 nội dung là cung ứng thức ăn và thuê mượn mặt bằng vào ngày 15/10/2020 đã được các bên thỏa thuận thanh lý ngày 31/12/2021 công ty T nợ số tiền 841.856.070đ tiền suất ăn ngược lại công ty T có trách nhiệm thanh toán cho công ty B số tiền 151.391.951đ tiền thuê mặt bằng là hoàn toàn có diễn ra trong thực tế. Hiện nguyên đơn xác định sau khi thỏa thuận thanh lý đến ngày 31/12/2021 nguyên đơn đã thanh toán nợ

tiền dịch vụ cung cấp thức ăn xong cho bị đơn số tiền 841.856.070đ là hoàn toàn phù hợp với chứng từ do nguyên đơn cung cấp. Hiện bị đơn không phản hồi và tranh chấp đối với giao dịch cung ứng thức ăn nên Hội đồng không xem xét đối với giao dịch này. Riêng đối với giao dịch thuê mướn nguyên đơn cho rằng do bị đơn không thanh toán đúng thỏa thuận và cho đến thời điểm hiện nay chỉ thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 80.000.000đ hiện còn nợ nguyên đơn 71.391.951đ nên yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền này. Xét thấy yêu cầu nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với biên bản thanh lý và các chứng từ do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bản thân đại diện công ty T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, đại diện Công ty cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc công ty T trả số tiền 71.391.951đ.

[4] Về lãi suất: Quá trình giao kết hợp đồng các bên không có thỏa thuận về lãi chậm thanh toán tuy nhiên, tại Điều 306 Luật thương mại qui định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng...thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời hạn chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác”. Theo kết quả xác minh về lãi suất Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì mức cho vay trung hạn tại thời điểm nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2023 với mức lãi 7%/năm với số tiền là 4.997.436đ là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại: Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định trên toàn bộ số tiền Hội đồng xét xử buộc phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 472, 481 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 50, 306 Luật thương mại;

Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của công ty TNHH thủy sản B, buộc công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH thủy sản B Bay số tiền 76.389.387đ

đồng (trong đó nợ gốc là 71.391.951đ, nợ lãi là 4.997.436đ).

Kể từ ngày công ty TNHH B có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH T phải thanh toán xong khoản tiền nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu án phí 3.819.000đ khi án có hiệu lực. công ty TNHH B không phải chịu án phí, ngày 09/3/2023 công ty TNHH B đã dự nộp 1.785.000 đồng theo biên lai số 0002986 được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc